

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO
Số: 01/HĐTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1990

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Hướng dẫn về việc áp dụng Điều 44 Bộ Luật Hình sự

Việc áp dụng Điều 44 Bộ Luật Hình sự về án treo đã được hướng dẫn ở một số văn bản như: Thông tư số 2308/NCPL ngày 1-12-1961; Thông tư số 01/NCPL ngày 6-4-1988; Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16-11-1988 và Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 19-4-1989 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao... Tuy nhiên, việc có nhiều văn bản hướng dẫn về án treo như trên không thuận tiện cho việc áp dụng. Mặt khác, Điều 44 Bộ Luật Hình sự đã được sửa đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, nên một số hướng dẫn trước đây nay không còn phù hợp nữa.

Trong những năm gần đây, bên cạnh nhiều ưu điểm, ở các cấp Tòa án đều có những trường hợp áp dụng quy định về án treo không đúng, như đáng cho hưởng án treo thì lại phạt tù giam hoặc đáng phạt tù giam thì lại cho hưởng án treo. Có trường hợp đã cho hưởng án treo một cách tùy tiện, như đối với người tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm cũng cho hưởng án treo v.v...

Để khắc phục tình trạng nêu trên và để áp dụng Điều 44 Bộ luật Hình sự được đúng đắn, thống nhất, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn như sau:

I. VỀ Ý NGHĨA CỦA QUY ĐỊNH VỀ ÁN TREO

Án treo là miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được áp dụng đối với người bị phạt tù không quá 5 năm, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù.

Án treo có tác dụng khuyến khích người bị kết án với sự giúp đỡ tích cực của xã hội, tự lao động cải tạo để trở thành người lương thiện, đồng thời cảnh cáo họ là nếu trong thời gian thử thách mà phạm tội mới do vô ý và bị phạt tù hoặc phạm tội mới do cố ý thì họ phải chấp hành hình phạt tù đã được hưởng án treo của bản án trước.

Án treo là một trong những biểu hiện cụ thể của phương châm "trừng trị kết hợp với giáo dục", và tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Áp dụng đúng đắn các quy định về án treo sẽ có tác dụng tốt là không bắt người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội mà cũng đạt được mục đích giáo dục, cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội; nhưng nếu áp dụng không đúng thì sẽ gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt như: không phát huy được tác dụng tích cực của án treo là khuyến khích người bị kết án tự cải tạo để trở thành người tốt, không thể hiện được tính công minh của pháp luật, không được nhân dân đồng tình ủng hộ, không đề cao được tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

II. VỀ CĂN CỨ ĐỂ CHO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN ĐƯỢC HƯỞNG ÁN TREO

Khoản 1 Điều 44 Bộ Luật Hình sự quy định "Khi xử phạt tù không quá 5 năm (1), căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ một năm đến năm năm".

Quy định trên được hiểu như sau:

1. Về mức hình phạt:

Chỉ những người bị phạt tù không quá 5 năm (1) mới có thể được xét việc cho hưởng án treo.

Luật không quy định về loại tội, cho nên nói chung người bị phạt tù không quá 5 năm về bất cứ tội phạm gì đều có thể được xem xét việc cho hưởng án treo nếu có đủ các căn cứ khác.

Đối với người bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội hoặc có nhiều bản án mà khi tổng hợp hình phạt, hình phạt chung không quá 5 năm tù, thì cũng có thể cho hưởng án treo, nhưng phải xét thật chặt chẽ.

Khi quyết định mức hình phạt tù cần tránh các sai lầm sau đây:

- a) Vì có ý định trước là sẽ cho người bị kết án hưởng án treo, cho nên đáng lẽ phải phạt họ trên 5 năm tù thì lại chỉ phạt họ từ 5 năm tù trở xuống để cho hưởng án treo;
- b) Vì có ý định trước là sẽ cho người bị kết án hưởng án treo, cho nên đáng lẽ chỉ cần phạt tù họ với mức án thấp, thì lại phạt tù họ với mức án cao và cho hưởng án treo.

2. Về nhân thân:

- a) Nói chung người được hưởng án treo phải là người chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của bản thân, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, đối với người có tiền án, tiền sự, nếu xét tính chất của tiền án, tiền sự đó cùng với tính chất của tội phạm mới thực hiện và các căn cứ khác thấy không cần thiết phải bắt họ chấp hành hình phạt tù, thì cũng có thể cho họ được hưởng án treo, nhưng tinh thần chung là hạn chế và phải xét thật chặt chẽ.
- b) Người đã được xóa án thì không coi là có tiền án. Người đã được xóa kỷ luật, xóa việc xử phạt vi phạm hành chính (tức là đã được coi như chưa bị kỷ luật, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính) thì không coi là có tiền sự. Đối với các quyết định xử lý của cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội mà pháp luật chưa quy định thời hạn để được coi như chưa bị xử lý, nếu tính từ ngày ra quyết định xử lý đến ngày phạm tội đã quá 1 năm, thì không coi là có tiền sự nữa. Đối với các quyết định xử lý của cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội mà pháp luật chưa quy định thời hạn để được coi như chưa bị xử lý, nếu tính từ ngày ra quyết định xử lý đến ngày phạm tội đã quá 1 năm, thì không coi là tiền sự nữa.
- c) Khi xét về nhân thân của người phạm tội cần xét toàn diện tất cả các yếu tố thuộc về nhân thân, đồng thời kết hợp với thái độ của họ sau khi phạm tội và đối chiếu với yêu cầu phòng ngừa chung để xem có cần phải bắt họ chấp hành hình phạt tù hay không. Những người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ăn năn hối lỗi và thành khẩn nhận tội thì có nhiều khả năng tự cải tạo hơn các đối tượng khác, nên cần được xem xét để cho hưởng án treo.

3. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ:

Các tình tiết giảm nhẹ đã được xem xét để quyết định hình phạt vẫn được xem xét cùng với các căn cứ khác để quyết định việc cho hoặc không cho hưởng án treo. Các tình tiết giảm nhẹ gồm các tình tiết đã được quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự và các tình tiết đã được hướng dẫn tại phần II Nghị quyết số 1-89/HĐTP ngày 19-4-1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau:

1) Bị cáo hoặc vợ, chồng, cha, mẹ, con bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác.

2) Bị cáo là người có nhiều thành tích trong sản xuất, chiến đấu, công tác đã được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng lao động sáng tạo, bằng khen của Chính phủ hoặc có sáng chế, phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sĩ thi đua.

3) Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, bố mẹ hoặc con (con đẻ hoặc con nuôi) là liệt sĩ.

4) Bị cáo là người tàn tật nặng do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác.

5) Bị cáo sau khi phạm tội đã lập công để chuộc tội.

6) Người bị hại cũng có lỗi.

4. Khi xét việc cho người bị kết án hưởng án treo, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức hình phạt tù, nhân thân của người bị kết án và các tình tiết giảm nhẹ, phân tích từng căn cứ và đánh giá tổng hợp các căn cứ đó, đồng thời căn cứ vào yêu cầu phòng ngừa tội phạm để quyết định chính xác việc bắt người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù hay cho họ được hưởng án treo; tránh tình trạng cho người bị kết án hưởng án treo một cách thiếu căn cứ, không được nhân dân đồng tình và làm giảm tác dụng của án treo về giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với người đã nhiều lần bị kết án, người bị phạt tù nhưng chưa được xóa án hoặc chưa quá 3 năm kể từ ngày được xóa án, người đã nhiều lần bị tập trung cải tạo hoặc đang bị tập trung cải tạo mà phạm tội cố ý hoặc tội nghiêm trọng do vô ý thì không cho hưởng án treo.

Đối với những người sau đây, việc xét cho hưởng án treo phải rất chặt chẽ (tinh thần chung là cần hạn chế việc cho hưởng án treo):

Người đã bị phạt cảnh cáo, phạt tiền (là hình phạt chính), phạt cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội, chưa được xóa án mà lại phạm tội mới do cố ý hoặc phạm tội mới nghiêm trọng do vô ý;

Người đã bị tập trung cải tạo, trong thời gian chưa quá 3 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định tập trung cải tạo mà phạm tội như trên;

Người có nhiều tiền sự hoặc có nhiều tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật hình sự mà phạm tội như trên.

III. VỀ THỜI GIAN THỬ THÁCH VÀ CÁCH TÍNH THỜI GIAN THỬ THÁCH CỦA ÁN TREO

1. Về thời gian thử thách của án treo

Theo khoản 1 Điều 44 Bộ Luật Hình sự, thì thời gian thử thách của án treo là từ 1 năm đến 5 năm: bất cứ trường hợp nào cũng không được dưới 1 năm hoặc quá 5 năm và không được ít hơn mức hình phạt tù. Thời gian thử thách của án treo là bắt buộc, không được cho hưởng án treo mà lại miễn thời gian thử thách.

2. Cách tính thời gian thử thách của án treo

Để phát huy tác dụng phòng ngừa của án treo, tránh tình trạng người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm hoặc phạm tội mới trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm mà không bị coi là phạm tội trong thời gian thử thách, từ nay thời gian thử thách của án treo tính từ ngày tuyên bản án cho hưởng án treo; nếu có nhiều bản án cho hưởng án treo thì tính từ ngày tuyên bản án đầu tiên cho hưởng án treo. Nghĩa là: nếu Tòa án cấp sơ thẩm cho người bị kết án được hưởng án treo, thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; nếu Tòa án cấp sơ thẩm không cho hưởng án treo, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo, thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; nếu cả Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều không cho hưởng án treo, nhưng Tòa án cấp giám đốc cho hưởng án treo, thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án giám đốc thẩm; nếu Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, Tòa án cấp phúc thẩm không cho hưởng án treo, nhưng Tòa án cấp giám đốc thẩm lại cho hưởng án treo, thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.